



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH ĐỒNG NAI**
THÁNG 11 NĂM 2025

HÀ NỘI, THÁNG 11/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: Số 10/42 Trần Cung, Nghĩa Đô, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbtnn@mae.gov.vn

MỤC LỤC	
I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT	5
2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1. Mức nước	5
2.1.2. Chất lượng nước.....	9
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....	10
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qh)	10
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp ₂₋₃).....	10
2.2.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp ₁).....	11
2.2.4. Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n ₂ ²)	11
2.2.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan (B/n-q)	12
2.2.6. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms)	13
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất.....	14
III. III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	14
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT	
(QCVN 09:2023/BTNMT)	15

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Đồng Nai được biên soạn hàng tháng cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Đồng Nai là một tỉnh thuộc lưu vực sông Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.783,8km². Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất tỉnh Đồng Nai gồm 6 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp₂₋₃), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp₁), tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n₂²), tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan (B/n-q) và tầng chứa nước khe nứt trong các đá Kainozoi (ms-ps). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: tầng chứa nước qh là 33.311m³/ngày, tầng chứa nước qp₃ là 15.127m³/ngày, tầng chứa nước qp₂₋₃ là 25.962m³/ngày, tầng chứa nước qp₁ là 54.502m³/ngày, tầng chứa nước n₂² là 656.004m³/ngày. Trong bản tin này phạm vi dự báo tài nguyên nước dưới đất trong tỉnh sẽ thực hiện cho 6 tầng chứa nước chính.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm:

Thông báo mực nước dưới đất tháng 10, chất lượng nước mùa mưa và dự báo mực nước dưới đất tháng 11, tháng 12 năm 2025 tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 15 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Nhìn chung mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng trước có xu thế hạ tại hầu hết các tầng chứa nước, riêng tầng chứa nước qh có xu thế dâng. Chất lượng nước mùa mưa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho thấy đa số các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, nước chủ yếu là nước nhạt, tuy nhiên một số công trình có chỉ tiêu NH_4^+ , Mn vượt giới hạn cho phép.

Dự báo mực nước dưới đất tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế hạ tại hầu hết các tầng chứa nước, riêng tầng chứa nước qp₂₋₃ và ps-ms có xu thế dâng.

Trên địa bàn tỉnh thời điểm hiện tại không có công trình nào có độ sâu mực nước trung bình tháng vượt quá 50% giới hạn cho phép.

Chi tiết xem nội dung bản tin./

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

2.1.1. Mực nước

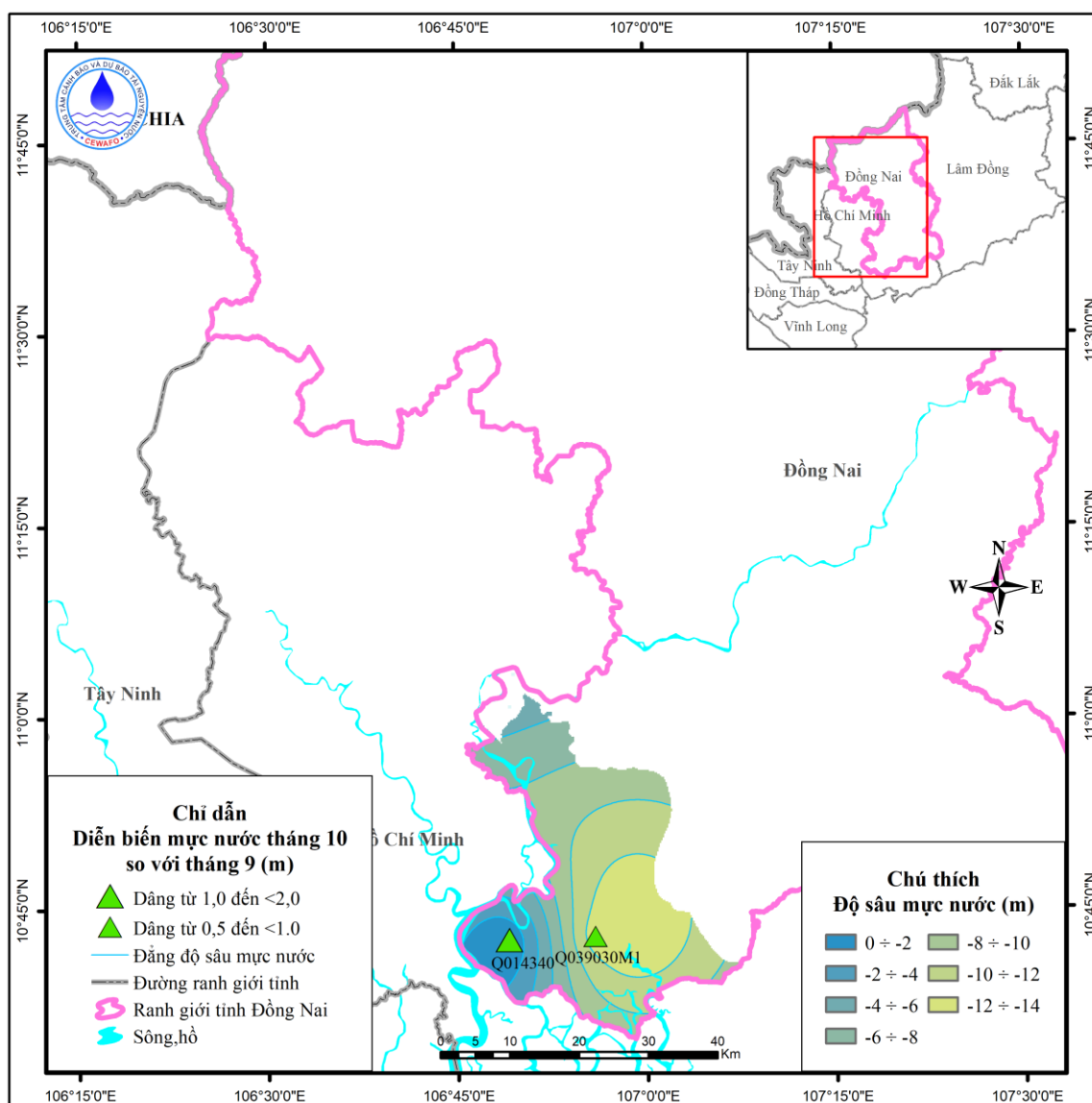
a) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại công trình Q014020 thuộc xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,75m so với tháng 9.

b) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 1,01m tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai (Q014340).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,54m tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai (Q014340) và sâu nhất là -12,93m tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q039030M1).

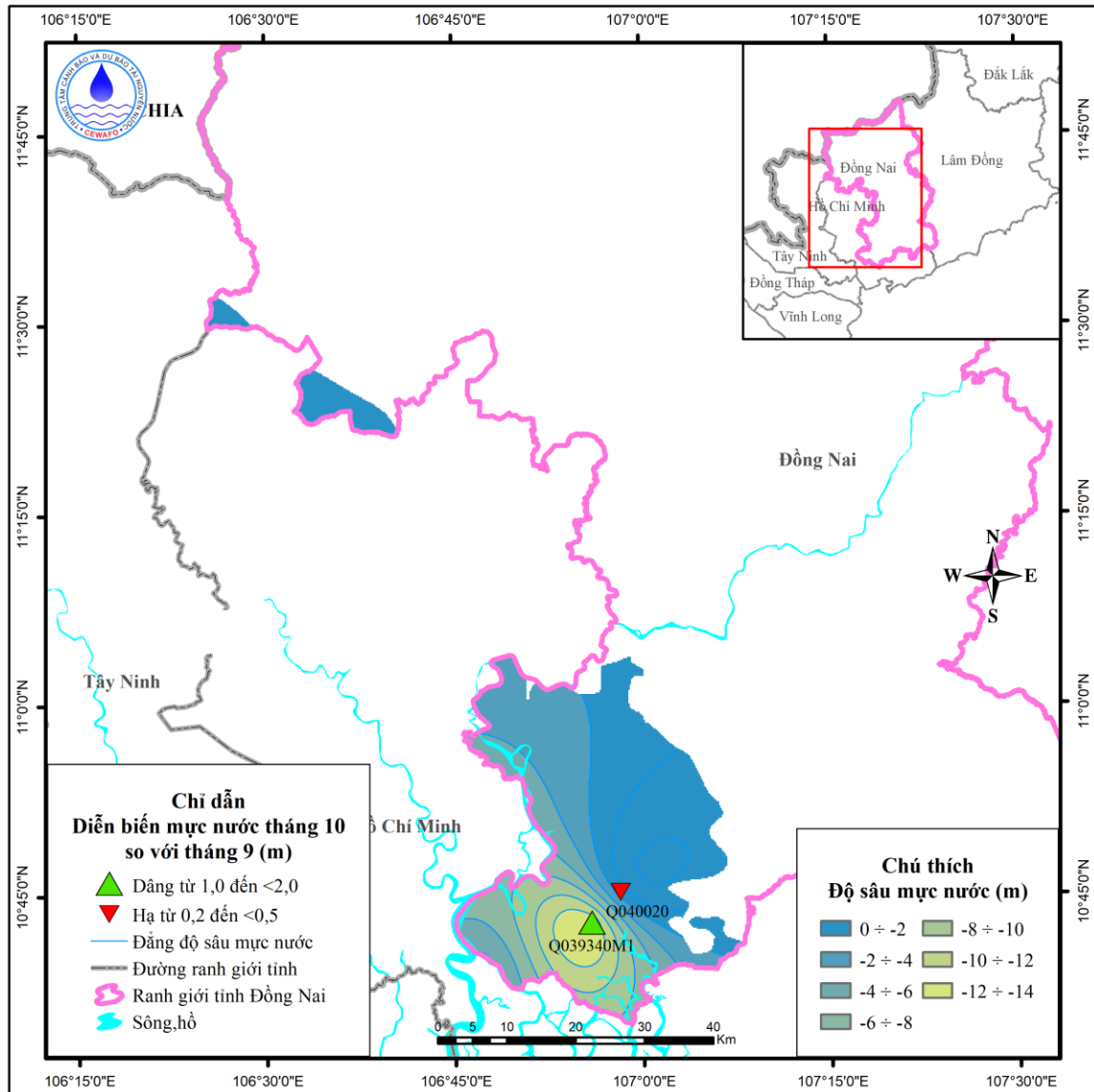


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₂₋₃

c) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp_1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 giá trị dâng cao nhất là 1,01m tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q039340M1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,25m tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,82m tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020) và sâu nhất là -13,38m tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q039340M1).

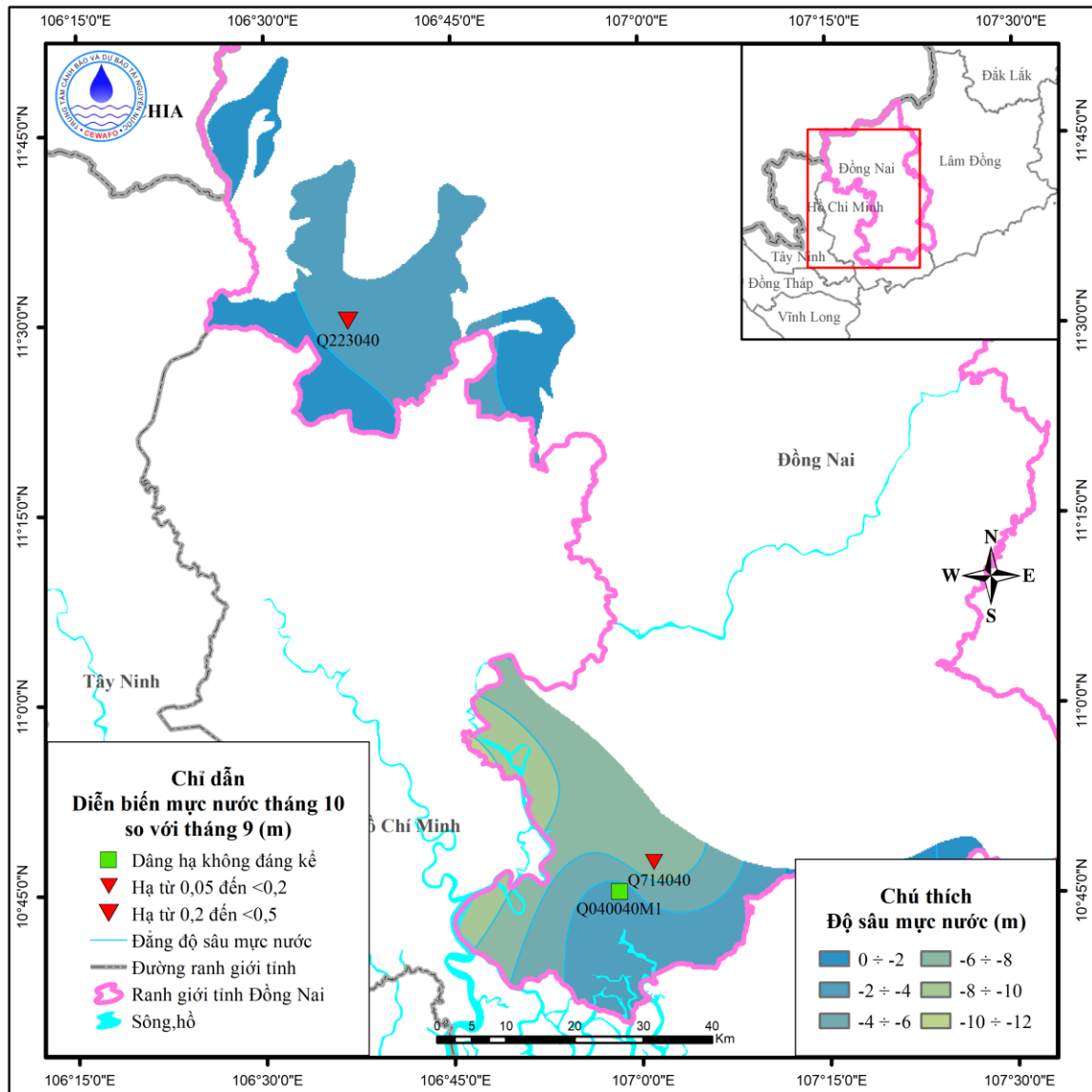


Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp_1

d) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế hạ. Giá trị dâng cao nhất là 0,01m tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040040M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,28m tại xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai (Q223040) và sâu nhất là -7,41m tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q714040).

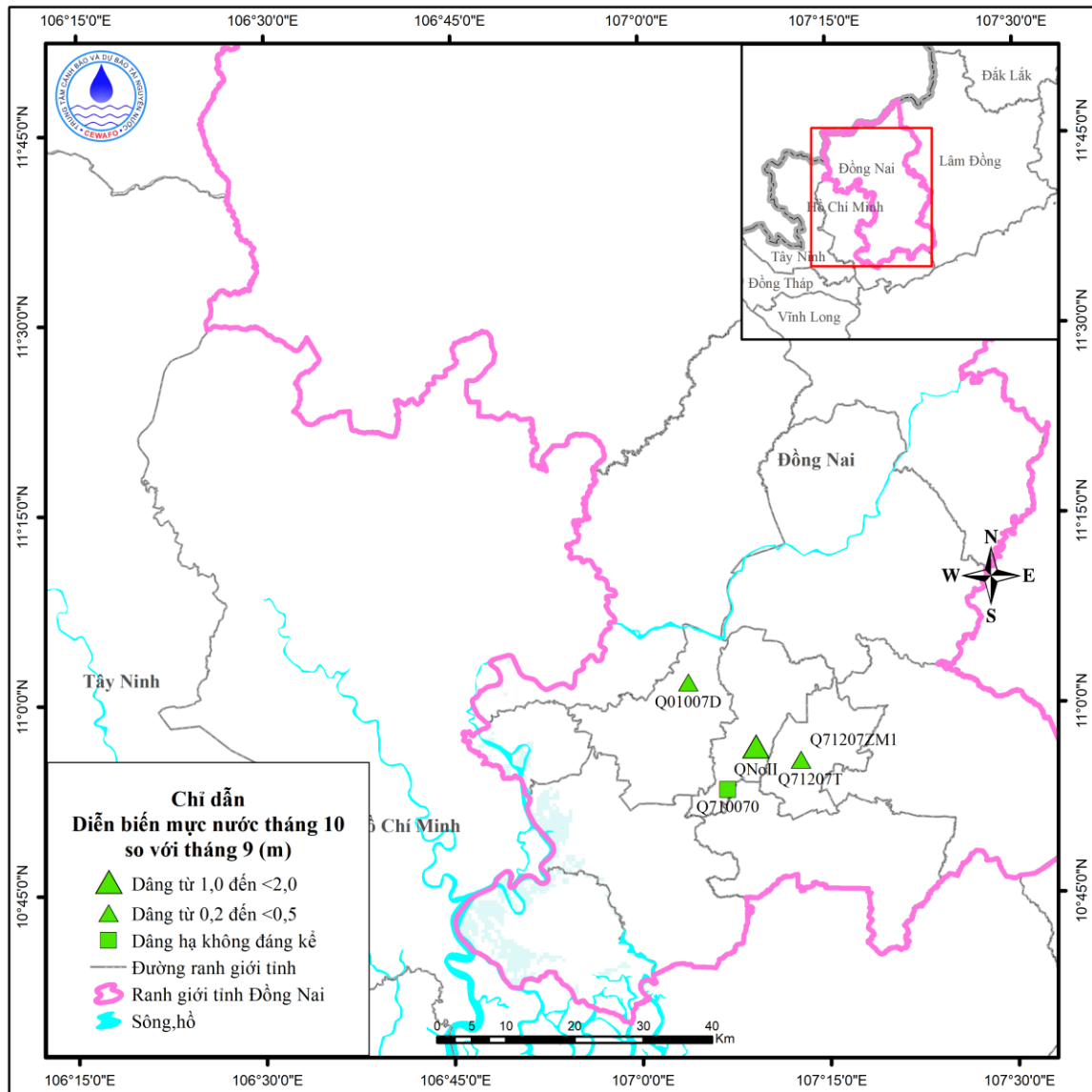


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^2

e) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan ($B/n-q$)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 1,24m tại xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai (QNoll).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,88m tại xã Bàu Hàm, tỉnh Đồng Nai (Q710070) và sâu nhất là -17,71m tại xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai (QNoll).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tăng (B/n-q)

f) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại công trình Q223060 thuộc xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,19m so với tháng 9.

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng 10

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước thông báo (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I	Tầng chứa nước qh				
1	Q014020	xã Đại Phước	-0,35	-0,62	-0,49
II	Tầng chứa nước qp ₂₋₃				
1	Q014340	xã Đại Phước	-0,34	-0,75	-0,54
2	Q039030M1	xã Nhơn Trạch	-12,72	-13,10	-12,93
III	Tầng chứa nước qp ₁				
1	Q039340M1	xã Nhơn Trạch	-13,21	-13,54	-13,38

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước thông báo (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
2	Q038030	xã Nhơn Trạch	8,70	7,33	8,27
3	Q040020	xã Long Thành	-0,61	-1,02	-0,82
IV	Tầng chứa nước n_2^2				
1	Q223040	xã Bù Đăng	-2,15	-2,38	-2,28
2	Q040040M1	xã Long Thành	-2,93	-3,08	-3,00
3	Q714040	xã Long Thành	-7,37	-7,45	-7,41
V	Tầng chứa nước B/n-q				
1	Q710070	xã Bàu Hàm	-0,70	-1,05	-0,88
2	Q71207ZM1	Phường Xuân Lập	-4,85	-5,69	-5,12
3	Q71207T	Phường Xuân Lập	-2,07	-2,31	-2,16
4	QNoII	xã Dầu Giây	-17,47	-18,31	-17,71
5	Q01007D	xã Bàu Hàm	-0,77	-1,03	-0,89
VI	Tầng chứa nước ps-ms				
1	Q223060	xã Bù Đăng	-2,50	-2,79	-2,67

2.1.2. Chất lượng nước

a) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (q_h)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

b) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp_{2-3})

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt đến lợ. Đa số các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên chỉ tiêu Mn vượt lớn nhất tại công trình Q014030 (xã Đại Phước).

c) Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp_1)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt đến lợ. Đa số các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên chỉ tiêu NH_4^+ vượt tại công trình Q040020 (xã Long An).

d) Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n_2^2)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

e) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan (B/n-q)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

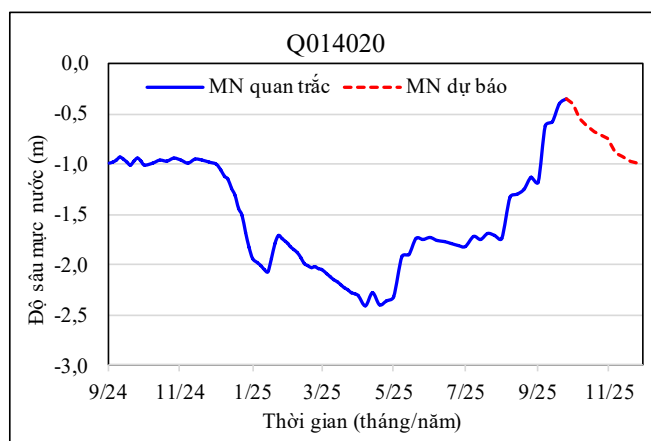
f) Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy, nước trong tầng thuộc nước nhạt. Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép.

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qh)

Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ dao động khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q014020 như sau:

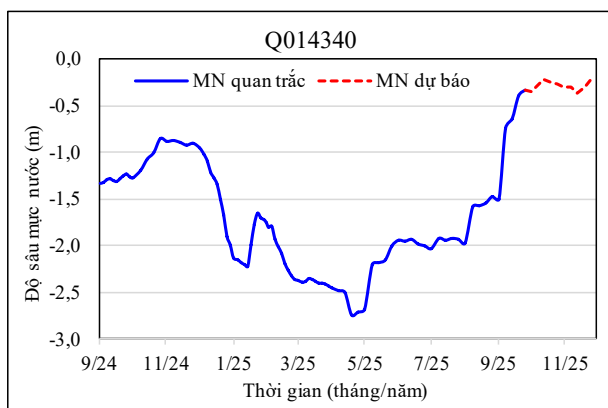


a) xã Đại Phước (Q014020)

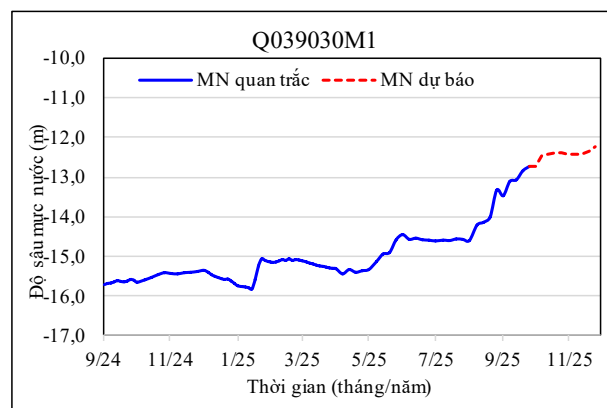
Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene giữa-trên (qp2-3)

Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế dâng dao động khoảng 0,2 đến 0,5m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) xã Đại Phước (Q014340)

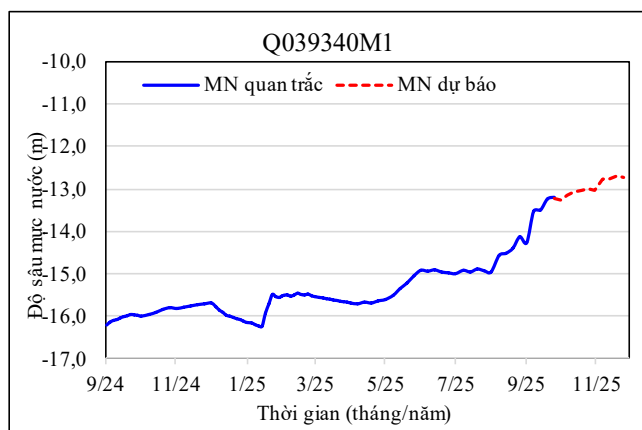


b) xã Nhơn Trạch (Q039030M1)

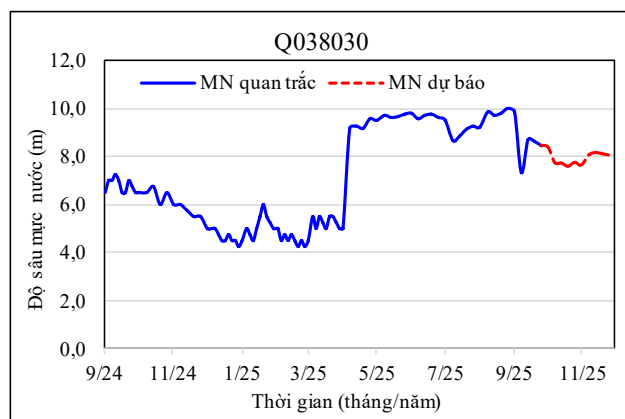
Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

2.2.3. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene dưới (qp_1)

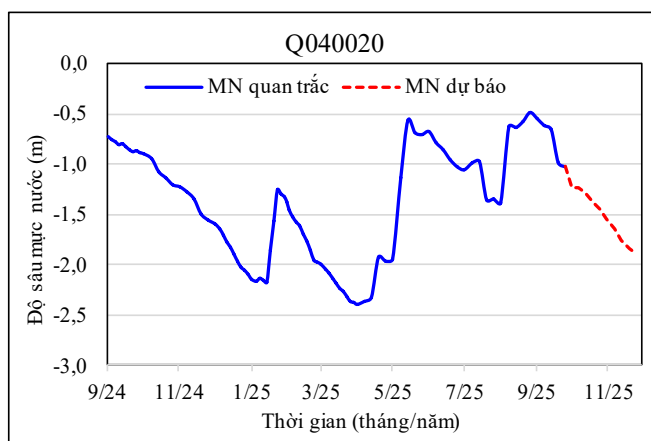
Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ dao động khoảng 0,5 đến 1m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) xã Nhơn Trạch (Q039340M1)



b) xã Nhơn Trạch (Q038030)

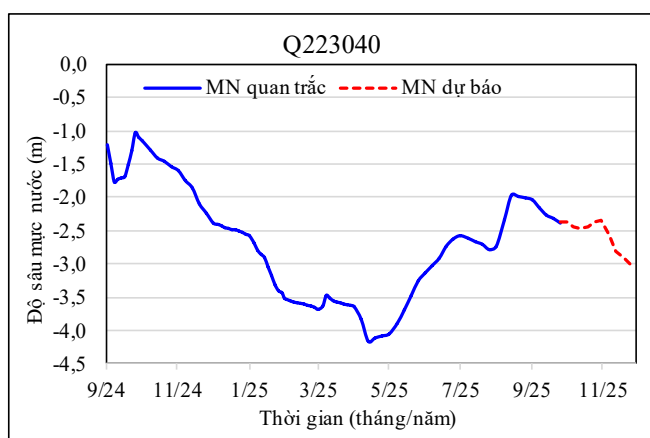


c) xã Long Thành (Q040020)

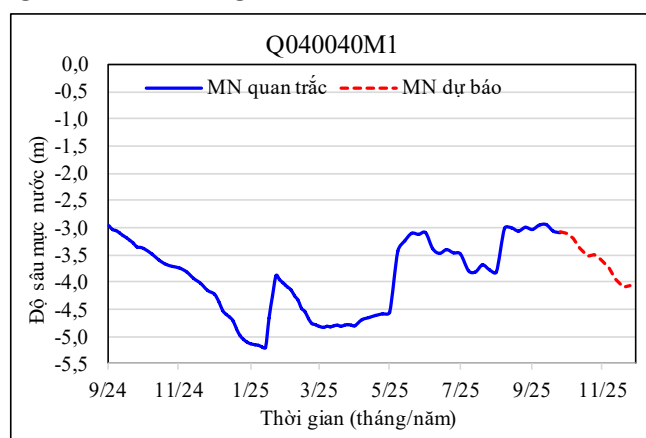
Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp_1

2.2.4. Tầng chứa nước lỗ hổng trong các đá trầm tích Pliocene giữa (n_2^2)

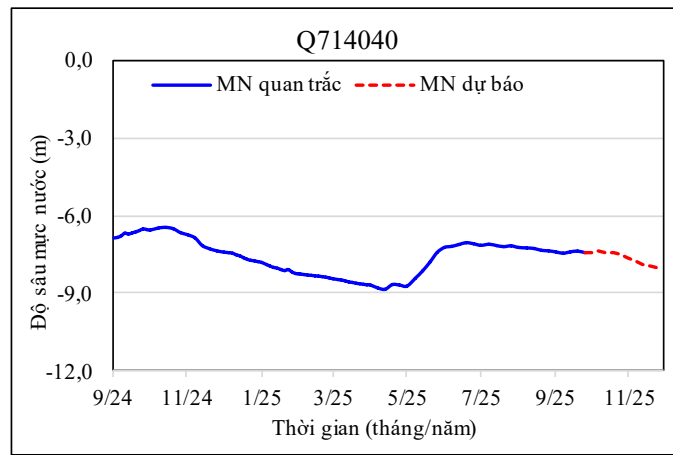
Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ dao động khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a) xã Bù Đăng (Q223040)



b) xã Long Thành (Q040040M1)

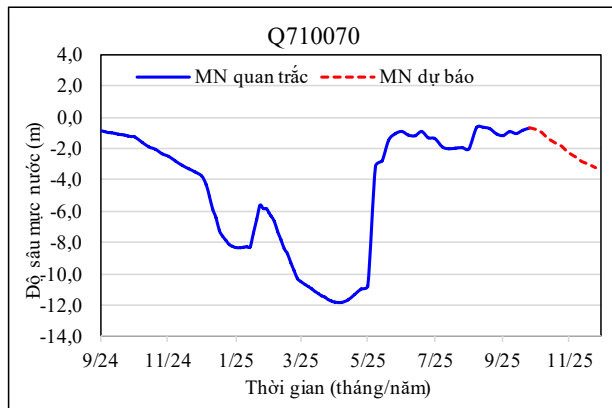


c) xã Long Thành (Q714040)

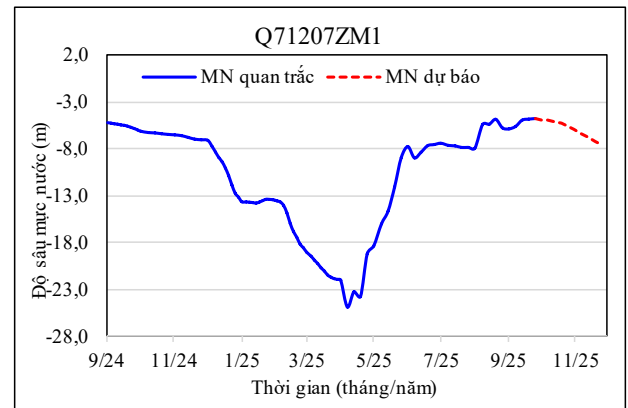
Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

2.2.5. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá bazan ($B/n-q$)

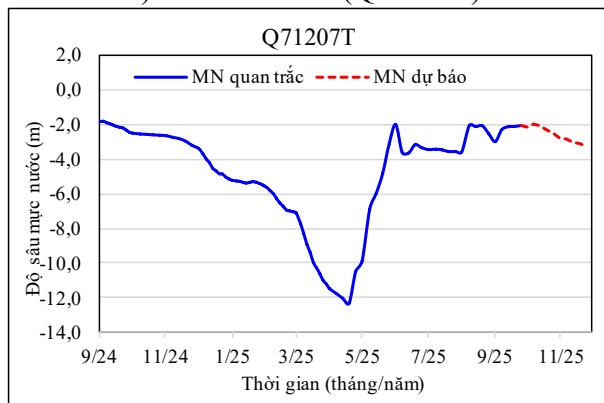
Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ dao động khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



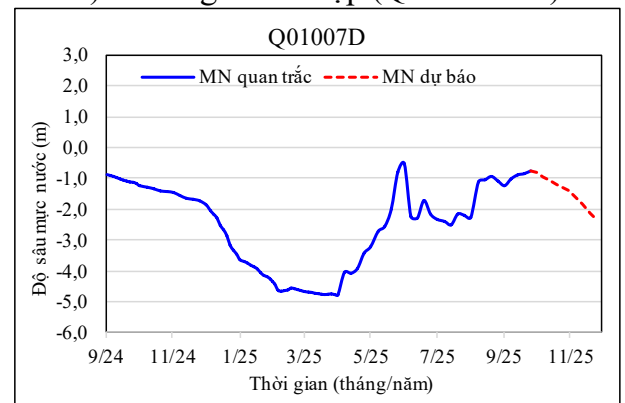
a) xã Bàu Hàm (Q710070)



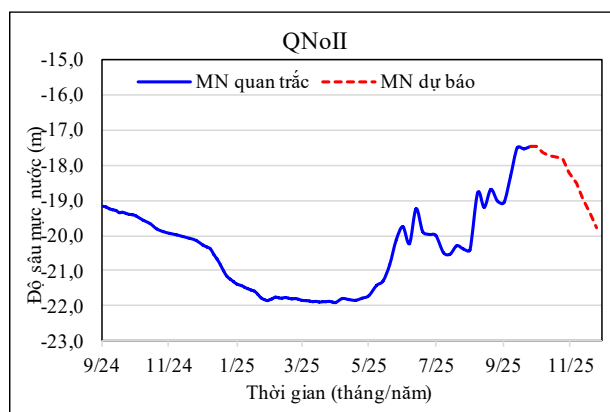
b) Phường Xuân Lập (Q71207ZM1)



c) Phường Xuân Lập (Q71207T)



d) xã Bàu Hàm (Q01007D)

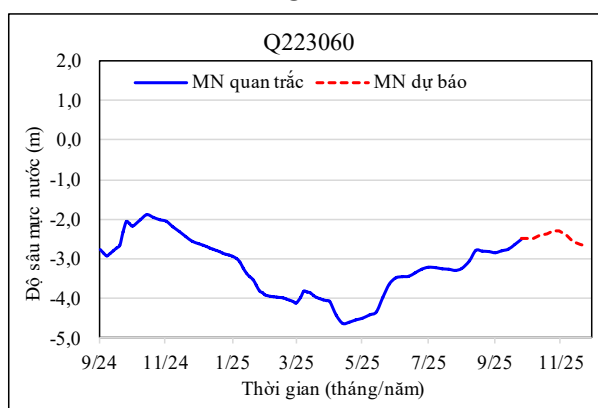


e) xã Dầu Giây (QNoII)

Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tầng B/n-q

2.2.6. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trước Kainozoi (ps-ms)

Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế dâng dao động khoảng 0,05 đến 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q223060 như sau:



a) xã Bù Đăng (Q223040)

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng ps-ms

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I	Tầng chứa nước qh					
1	Q014020	xã Đại Phước	-0,40	-0,75	-0,62	29/11/2025
II	Tầng chứa nước qp ₂₋₃					
1	Q014340	xã Đại Phước	-0,21	-0,35	-0,28	30/10/2025
2	Q039030M1	xã Nhơn Trạch	-12,38	-12,72	-12,46	30/10/2025
III	Tầng chứa nước qp ₁					
1	Q039340M1	xã Nhơn Trạch	-13,00	-13,27	-13,09	30/10/2025
2	Q038030	xã Nhơn Trạch	8,37	7,61	7,81	17/11/2025
3	Q040020	xã Long Thành	-1,23	-1,55	-1,36	29/11/2025

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
IV	Tầng chứa nước n ₂ ²					
1	Q223040	xã Bù Đăng	-2,35	-2,46	-2,40	11/11/2025
2	Q040040M1	xã Long Thành	-3,10	-3,58	-3,38	29/11/2025
3	Q714040	xã Long Thành	-7,39	-7,60	-7,46	29/11/2025
IV	Tầng chứa nước B/n-q					
1	Q710070	xã Bàu Hàm	-0,77	-2,18	-1,45	29/11/2025
2	Q71207ZM1	Phường Xuân Lập	-4,91	-5,87	-5,30	29/11/2025
3	Q71207T	Phường Xuân Lập	-1,99	-2,73	-2,30	29/11/2025
4	QNoII	xã Dầu Giây	-17,46	-18,21	-17,78	29/11/2025
5	Q01007D	xã Bàu Hàm	-0,82	-1,39	-1,12	29/11/2025
IV	Tầng chứa nước ps-ms					
1	Q223060	xã Bù Đăng	-2,29	-2,50	-2,39	05/11/2025

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo khoản 2, Điều 24 của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP về giới hạn mức nước khai thác nước dưới đất, trong tình thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mức nước cần phải cảnh báo.

III. III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi tỉnh Đồng Nai chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, tuy nhiên để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mức nước dưới đất trong các tầng chứa nước trên địa bàn tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Nhìn chung chất lượng nước tại các tầng chứa nước trên địa bàn tỉnh trong mùa mưa năm 2025 đa số tốt, tuy nhiên có một số công trình có hàm lượng NH_4^+ , Mn vượt GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT.

Một số khu vực đáng chú ý gồm:

- Tầng qp₂₋₃ (Pleistocene trên): chỉ tiêu Mn vượt tại công trình Q014030 (xã Đại Phước).
- Tầng qp₁ (Pleistocene dưới): chỉ tiêu NH_4^+ vượt tại công trình Q040020 (xã Long Thành).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện